

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÉP HÙNG DŨNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÉP HÙNG DŨNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG DUNG STEEL PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY THÉP HÙNG DŨNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109448897

**3. Ngày thành lập:** 08/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 3, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944158886

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp<br>Chi tiết:<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thú y;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực lâm nghiệp;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thủy sản;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong nông nghiệp;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp khác. | 7214     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Theo điều 28 – Luật thương mại 2005).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8299     |
| 3.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê ô tô (Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm); Cho thuê xe tải, bán romooc và xe giải trí);<br>- Cho thuê xe có động cơ khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.                                                                                                                                                   | 4932        |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4511        |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4513        |
| 7.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4520        |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4530        |
| 9.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4542        |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610        |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải bằng taxi.                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931        |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 13. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2410        |
| 14. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2431        |
| 15. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2511        |
| 16. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2512        |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2592(Chính) |
| 18. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2591        |
| 19. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2593        |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn.<br>- Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải ...<br>- Sản xuất đinh hoặc ghim;<br>- Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự;<br>- Sản xuất các sản phẩm đinh vít. | 2599        |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3320        |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.600.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CHU THỊ HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/11/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001194014562

Ngày cấp: 17/07/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 3, Xã Phùùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn 3, Xã Phùùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội